

**TAND HUYỆN TÂN UYÊN**  
**TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DSST

Ngày 16-11-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Dương Thị Tuyết Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Cần và Ông Nguyễn Văn Hiền

*- Thư ký phiên toà:* Ông Lương Văn Đoàn - Cán bộ Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Kiên Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Xuân H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Lò Văn S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

\* Những người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1954; Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

2. Anh Lò Văn N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

3. Chị Lò Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

4. Chị Lò Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

5. Anh Lò Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lò Xuân H trình bày:

Do quen biết với anh Lò Văn S nên trong khoảng thời gian từ ngày 13/7/2011 đến ngày 05/7/2014 anh có cho anh Lò Văn S vay tổng số tiền 275 triệu đồng, cụ thể: Ngày 13/7/2011 cho vay số tiền 150 triệu đồng, không tính lãi, có viết giấy vay và anh S có ký nhận, mục đích để lấy vốn làm ăn; Cùng ngày 13/7/2011, tiếp tục cho anh S vay số tiền 18,5 triệu đồng, không tính lãi, không viết giấy vay, mục đích để mua xe máy; Ngày 20/3/2012, cho vay số tiền 03 triệu đồng, không tính lãi, có viết giấy vay, mục đích để mua đồ dùng sinh hoạt gia đình; Ngày 21/4/2012, cho vay số tiền 30 triệu đồng, không tính lãi, có viết giấy vay tiền, mục đích vay để đưa cho bố vợ; Ngày 18/7/2012, cho vay số tiền 28 triệu đồng, không tính lãi, có viết giấy vay tiền, mục đích để sử dụng vào việc riêng của gia đình; Ngày 28/3/2012, bán cho 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda-Airblade, màu đỏ trắng với giá 45 triệu đồng, có viết giấy mua bán xe; Ngày 05/7/2014, cho vay số tiền 500.000 đồng, không tính lãi, không viết giấy tờ, mục đích chi tiêu cá nhân. Như vậy, tổng số tiền anh S vay và mua nợ một chiếc xe máy là 275 triệu đồng. Tuy nhiên, anh S đã trả số tiền 30 triệu đồng của khoản vay ngày 21/4/2012 và 500.000 đồng của khoản vay ngày 05/7/2014. Do vậy, tổng số tiền anh S chưa trả là 244.500.000 đồng. Anh đã đòi anh S nhiều lần nhưng anh S chưa trả, đến ngày 03/02/2017 anh S đến nhà anh, cùng với anh Lò Văn Thơm viết giấy khất nợ tổng số tiền nợ là 244 triệu đồng và hẹn đến ngày 13/5/2017 sẽ trả đủ số tiền 244 triệu đồng (Vì số tiền 500.000 đồng là số lẻ trong tổng số nợ nên anh chỉ ghi tròn là 244 triệu đồng). Đến nay, đã quá thời hạn khất nợ nên anh đề nghị Tòa án buộc anh S phải trả cho anh số tiền 244.500.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện, anh chỉ yêu cầu anh S trả cho anh tổng số tiền là 115 triệu đồng, không tính lãi suất, cụ thể:

Đối với khoản vay 150 triệu đồng anh cho anh S vay ngày 13/7/2011, không tính lãi, có viết giấy vay và anh S có ký nhận. Anh xác nhận trong tổng số tiền 150 triệu đồng thì 100 triệu đồng là tiền gốc, 50 triệu đồng là tiền lãi (cách tính lãi: số tiền lãi 50 triệu đồng là trên tổng số tiền gốc cho vay 100 triệu đồng tính từ ngày 13/7/2011 đến khi được giải ngân tiền đất ở bản T). Anh S đã trả 50 triệu đồng tại cửa hàng xe máy nhà anh tại khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đến nay, anh chỉ yêu cầu anh S phải trả số tiền gốc còn lại là 50 triệu đồng, không yêu cầu trả tiền lãi 50 triệu đồng như đã thỏa thuận và cũng không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50 triệu đồng.

Đối với khoản vay 28 triệu đồng anh cho anh S vay ngày 18/7/2012, không tính lãi, có viết giấy vay tiền. Anh cũng xác nhận, chỉ có 20 triệu đồng tiền gốc, 08 triệu đồng là tiền lãi (cách tính lãi: số tiền 08 triệu đồng tiền lãi được tính trên tổng số tiền gốc cho vay 20 triệu đồng tính từ ngày 18/7/2012 đến khi được giải ngân tiền đất). Đến nay, anh chỉ yêu cầu anh S phải trả số tiền 20 triệu đồng tiền gốc, không yêu cầu trả số

tiền lãi 08 triệu đồng như đã thỏa thuận và cũng không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 20 triệu đồng.

Và yêu cầu anh S phải trả số tiền 45 triệu đồng tiền đã mua của anh chiếc xe máy nhãn hiệu Honda-Airblade, màu đỏ trắng vào ngày 28/3/2012. Anh không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 45 triệu đồng.

\* Tại bản tự khai, cùng các lời khai tại Tòa án anh Lò Văn S trình bày:

Ngày 13/7/2011 anh H có mang đến nhà anh, cho anh vay số tiền 100 triệu đồng và tính lãi thêm 100 triệu đồng để anh lấy tiền làm ăn, hẹn khi nào được giải ngân tiền đền bù đất do Nhà nước thu hồi thì trả cho anh H. Thực chất anh chỉ vay 100 triệu đồng. Số tiền này, anh đã trả cho anh H 50 triệu đồng vào ngày 08/01/2015 tại cửa hàng xe máy nhà anh H tại khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Khi trả khoản vay này không ghi vào sổ sách, giấy tờ và cũng không ai làm chứng; tiếp đến ngày 15/7/2015 anh trả 43 triệu đồng tại nhà anh ở bản T, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Khi trả khoản vay này có mẹ vợ là bà Hoàng Thị Cót, vợ anh là chị Lò Thị Hặc và con trai anh là anh Lò Văn Phương biết. Trong 43 triệu đồng thì có 40 triệu đồng trả khoản vay 100 triệu đồng ngày 13/7/2011 và trả 03 triệu đồng anh vay chi tiêu cá nhân. Như vậy, đối với khoản vay này anh đã trả cho anh H tổng cộng là 90 triệu đồng, anh chỉ còn nợ lại 10 triệu đồng. Đến nay, anh H yêu cầu anh phải trả 50 triệu đồng anh không nhất trí.

Đối với khoản vay 28 triệu đồng anh H cho anh vay vào ngày 18/7/2012, mục đích là anh vay cho bố vợ, có ký giấy vay nợ. Anh thừa nhận anh có ký vào giấy vay nợ, tuy nhiên số tiền này tiền gốc là 20 triệu đồng, còn 08 triệu đồng là tiền lãi. Khoản vay này, anh cũng đã trả cho anh H 30 triệu đồng vào tháng 11 năm 2016 (gồm 20 triệu đồng tiền gốc, 08 triệu tiền lãi và 02 triệu đồng anh đi lấy nợ hộ anh H). Anh trả tại Pá Huổi Phi, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu có anh Lò Văn N, anh C, chị Lò Thị P và chị Lò Thị H biết. Đến nay, anh H chỉ yêu cầu anh phải trả số tiền 20 triệu đồng là tiền gốc anh cũng không nhất trí.

Anh H yêu cầu anh phải trả số tiền 45 triệu đồng anh nợ tiền mua chiếc xe máy vào ngày 28/3/2012. Anh thừa nhận anh có ký giấy mua bán xe, có ký nợ 45 triệu đồng nhưng đây là chiếc xe máy anh H hứa cho anh để đi liên hệ bán xe máy cho anh H. Nếu anh H đòi số tiền của chiếc xe máy trên thì anh có yêu cầu phản tố buộc anh H phải thanh toán cho anh số tiền hoa hồng anh đã giới thiệu bán 50 xe máy x 500.000đồng/01 xe máy = 25 triệu đồng và tiền chênh lệch giới thiệu bán xe 50 chiếc xe máy x 02 triệu đồng/01 xe máy = 100 triệu đồng. Tổng cộng là 125 triệu đồng nhưng anh không có giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh.

\* Ý kiến của nguyên đơn:

Anh H vẫn khẳng định:

Trong tổng số tiền gốc 100 triệu đồng anh cho anh S vay ngày 13/7/2011, anh xác nhận anh S đã trả cho anh số tiền 50 triệu đồng tại cửa hàng xe máy ở khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; anh S cho rằng đã trả thêm được 43 triệu đồng tại nhà anh S vào ngày 15/7/2015 (trong đó có 40 triệu đồng trả khoản vay 100 triệu đồng ngày 13/7/2011 và 03 triệu đồng trả tiền anh vay chi tiêu), khi trả có bà Lò Thị H, chị Lò Thị P biết. Anh khẳng định, anh có đến nhà anh S nhiều lần và cũng có gặp bà Hoàng Thị C, chị Lò Thị H và cháu Lò Văn P ở nhà tuy nhiên nhưng anh S chưa trả và cũng không

có giấy tờ gì để chứng minh việc anh S trả cho anh số tiền 43 triệu đồng như anh S trình bày. Hơn nữa ngày 03/02/2017 anh S cùng anh Lò Văn T đến nhà anh để xin khất nợ và có viết giấy khất nợ tổng số tiền là 244 triệu đồng, hẹn đến ngày 13/5/2017 sẽ trả toàn bộ số nợ cho anh. Do vậy, khoản vay 100 triệu đồng tiền gốc ngày 13/7/2011 anh S mới trả được 50 triệu đồng nên anh yêu cầu anh S phải có trách nhiệm trả 50 triệu đồng.

Đối với số tiền 20 triệu đồng anh yêu cầu anh S phải trả trong khoản vay 28 triệu đồng vay ngày 18/7/2012 anh khẳng định anh S vẫn chưa trả. Do anh S vay của anh rất nhiều khoản, trong đó có khoản vay 30 triệu đồng ngày 21/4/2012 có viết giấy vay và khoản vay này anh xác nhận anh S đã trả cho anh tại Pá Huổi Phi, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu và có Lò Văn N, anh C, chị Lò Thị P và chị Lò Thị H làm chứng. Do vậy, anh S trả cho anh 30 triệu đồng là khoản vay ngày 21/4/2012 chứ không phải 28 triệu đồng khoản vay ngày 18/7/2012. Vì vậy, anh yêu cầu anh S phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 20 triệu đồng tiền gốc.

Đối với yêu cầu phản tố của anh S về việc buộc anh phải trả số tiền 125 triệu đồng là tiền anh S đã giới thiệu bán 50 xe máy x 500.000đồng/01 xe máy = 25 triệu đồng và tiền chênh lệch giới thiệu bán xe 50 chiếc xe máy x 02 triệu đồng/01 xe máy = 100 triệu đồng. Tổng cộng là 125 triệu đồng. Anh khẳng định giữa anh và anh S không có sự thỏa thuận nào về việc này nên anh không nhất trí.

Lý do anh rút một phần yêu cầu về việc buộc anh S phải có trách nhiệm trả số tiền 129.500.000đồng ( trong đó 100 triệu đồng tiền gốc, lãi của khoản 150 triệu đồng vay ngày 13/7/2011 + 08 triệu đồng tiền lãi của khoản vay 20 triệu đồng ngày 18/7/2012 + 18,5 triệu đồng khoản vay 13/7/2011 + 03 triệu đồng khoản vay ngày 20/3/2011). Vì do quen biết, tin tưởng nên có khoản vay không viết giấy tờ, có khoản vay có viết giấy tờ nhưng anh bị mất và hiện nay do hoàn cảnh của anh S khó khăn nên anh không yêu cầu các khoản tiền lãi mà anh S đã tự nguyện thỏa thuận khi vay của anh và một số khoản vay anh bị mất giấy tờ và không viết giấy tờ.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466, 469 và các Điều 430, 431, 433, 434, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lò Xuân H và xem xét quyết định: Buộc anh S phải có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 50 triệu đồng + 20 triệu đồng và số tiền 45 triệu đồng là tiền mua xe máy, tổng cộng 115 triệu đồng; Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu của anh H về việc buộc anh S phải có trách nhiệm trả số tiền 129.500.000đồng; Không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn do không có căn cứ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định, trình tự của pháp luật. Ngày 31/3/2020 Tòa án tiến hành phiên họp về tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do đó Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16 tháng 10 năm 2020 bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 30/10/2020 Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập cho nguyên đơn, bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xác định yêu cầu của anh Lò Xuân H đối với anh Lò Văn S là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Việc áp dụng pháp luật: Các giao dịch dân sự giữa các đương sự diễn ra từ 13/7/2011 đến ngày 05/7/2014, tuy nhiên đến ngày 03/02/2017 các đương sự có viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 13/5/2017 sẽ trả nợ nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện anh Lò Xuân H yêu cầu anh Lò Văn S phải trả cho anh tổng số tiền của các khoản vay là 199.500.000đồng và tiền bán xe máy là 45 triệu đồng. Tổng cộng là 244.500.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H rút một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu anh S phải trả tổng số tiền 115 triệu đồng bao gồm 50 triệu đồng của khoản vay 150 triệu đồng ngày 13/7/2011 + 20 triệu đồng của khoản vay ngày 18/7/2013 + 45 triệu đồng tiền mua nợ xe máy ngày 28/3/2012. Như vậy, anh H không yêu cầu anh S phải trả số tiền 244.500.000đồng –

115.000.000đồng = 129.500.000đồng. Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần yêu cầu của anh Lò Xuân H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên chấp nhận và đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu của anh H về việc buộc anh S phải có trách nhiệm trả số tiền 129.500.000đồng

[5] Đối với việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử xác định:

[5.1] Theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 13/7/2011 (BL04) thể hiện anh Lò Xuân H cho anh Lò Văn S vay số tiền 150 triệu đồng, hẹn khi nào trả tiền đất ở bản T thì sẽ trả cho anh H. Theo hợp đồng chỉ ghi “ đến khi nào trả tiền đất ở bản T” mà không ghi thời gian cụ thể phải trả tiền và không ghi lãi suất. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn, không tính lãi. Anh H và anh S đều xác nhận ngày 13/7/2011 anh H có cho anh S vay số tiền 100 triệu đồng nhưng lập hợp đồng vay tiền ghi số tiền vay là 150 triệu đồng. Thời điểm vay tính từ ngày 13/7/2011 đến khi anh S nhận được tiền giải ngân tiền đất mà không cụ thể ngày nào, và tính số tiền lãi là 50 triệu đồng trên khoản vay 100 triệu đồng tiền gốc. Anh H thừa nhận anh S đã trả cho anh số tiền 50 triệu đồng vào ngày 08/01/2015 tại cửa hàng xe máy nhà anh ở khu 6, thị trấn T, huyện T, còn lại 50 triệu đồng chưa trả nay anh chỉ yêu cầu anh S phải có trách nhiệm trả 50 triệu đồng tiền gốc còn lại, không yêu cầu phải trả 50 triệu đồng tiền lãi đã thỏa thuận và cũng không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay 50 triệu đồng gốc còn lại. Anh S cho rằng, anh đã cho anh H khoản vay 100 triệu đồng làm 02 lần: lần thứ nhất vào ngày 08/01/2015 anh trả 50 triệu đồng tại cửa hàng xe máy nhà anh H ở khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, khi trả không làm giấy tờ, không ai làm chứng; lần thứ hai vào ngày 15/7/2015 anh trả cho anh H 43 triệu đồng tại nhà anh ở bản T, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên (trong đó có 40 triệu đồng trả khoản vay 50 triệu còn lại và 03 triệu đồng là trả khoản vay chi tiêu cá nhân riêng), khi trả có có bà Hoàng Thị C là mẹ vợ, chị Lò Thị H là vợ và con trai anh Lò Văn P biết. Những người làm chứng bà Hoàng Thị C (BL105,106) và chị Lò Thị H (BL102) xác nhận có biết việc anh H đến nhà anh S nhưng vào khoảng thời gian nào và trả tiền gì, cụ thể như thế nào thì không chứng kiến trực tiếp. Đối với người làm chứng Lò Văn P anh S không cung cấp được địa chỉ nơi anh P làm việc nên Tòa án không tiến hành xác minh được. Hơn nữa, ngày 03/02/2017 anh S cùng với anh Lò Văn T đã đến nhà anh H để viết giấy khát nợ, tổng số tiền khát nợ là 244 triệu đồng (BL05). Như vậy, đối với khoản vay này anh S mới trả được cho anh H 50 triệu đồng, nên buộc anh S phải có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 50 triệu đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015.

[5.2] Theo giấy biên nhận vay tiền mặt lập ngày 18/7/2012 (BL06), thể hiện anh H cho anh S vay số tiền 28 triệu đồng, hẹn đến ngày giải ngân tiền đất sẽ trả nhưng không cụ thể ngày nào, không tính lãi. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn, không tính lãi. Anh H và anh S đều xác nhận trong số 28 triệu đồng thì có 20 triệu đồng là tiền gốc và 08 triệu đồng là tiền lãi ( tính từ thời điểm cho vay đến khi giải ngân tiền đất cho vay 20 triệu đồng tiền gốc và 08 triệu tiền lãi). Tuy nhiên, anh H chỉ yêu cầu anh S phải có trách nhiệm trả số tiền 20 triệu đồng tiền gốc, không yêu cầu trả 08 triệu đồng tiền lãi như đã thỏa thuận và không tính lãi suất đối với số tiền 20 triệu đồng. Anh S không nhất trí vì cho rằng anh đã trả cho anh H khoản vay

này vào khoảng tháng 11 năm 2016, trả tại Pá Huổi Phì, xã Tà Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Anh trả 30 triệu đồng (gồm 20 triệu đồng tiền gốc, 08 triệu tiền lãi, 02 triệu anh đi thu nợ hộ). Khi trả có anh Lò Văn N, anh C, chị Lò Thị P và chị Lò Thị H biết. Những người làm chứng anh Lò Văn N (BL91), chị Lò Thị P (BL98), chị Lò Thị H (BL102) đều xác nhận có biết việc anh H gặp anh S ở Pá Huổi Phì, xã T, có thấy anh S trả tiền cho anh H nhưng không biết tiền gì, và cũng không biết trả cụ thể bao nhiêu tiền. Đối với lần trả tiền này, anh H cũng xác nhận là đúng, anh S có trả anh số tiền 30 triệu đồng và cũng có những người làm chứng như anh S trình bày nhưng anh S trả 30 triệu đồng của khoản vay ngày 21/4/2012 (BL342). Người làm chứng tên Chải anh S không cung cấp được thông tin đầy đủ nên Tòa án không tiến hành xác minh được. Hội đồng xét xử xét thấy, do anh S vay của anh H nhiều khoản vay trong đó cũng có khoản vay 30 triệu đồng ngày 21/4/2012, có viết giấy vay tiền và anh S cũng đã trả khoản vay này, anh H thừa nhận. Hơn nữa, ngày 03/02/2017 anh S cùng với anh Lò Văn T đã đến nhà anh H để khát nợ, tổng số tiền khát nợ là 244 triệu đồng (BL 05) và người làm chứng Lò Văn Thơm cũng khẳng định việc anh S đến viết giấy khát nợ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc (BL 65c,d). Tuy nhiên, đối với khoản vay 28 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 18/7/2012 đến nay anh H chỉ yêu cầu anh S trả số tiền 20 triệu đồng tiền gốc Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các 463, 464, 465, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015

[6] Đối với hợp đồng mua bán xe máy:

Theo yêu cầu của anh H buộc anh S phải thực hiện cam kết theo giấy bán xe lập ngày 23/8/2013 và giấy khát nợ lập ngày 03/02/2017. Anh S có mua của Cửa hàng xe máy Vân H do anh H làm chủ 01 chiếc xe tay ga, nhãn hiệu Honda, số loại 125, màu đỏ trắng với giá 45 triệu đồng. Theo giấy bán xe hẹn ngày trả tiền “giải ngân tiền đất” mà không cụ thể ngày tháng năm. Tuy nhiên, theo giấy khát nợ trả tiền lập ngày 03/02/2017 thì anh S có hẹn trả tổng số tiền vay 244 triệu đồng vào ngày 13/5/2017. Quá hạn ngày 13/5/2017 anh S không thanh toán. Anh H chỉ yêu cầu anh S trả đủ 45 triệu đồng, không yêu cầu lãi suất. Anh S thừa nhận có mua xe máy như trên, chưa trả tiền, chữ ký trong giấy bán xe là của anh nhưng anh cho rằng đây là chiếc xe anh H cho anh, nếu phải trả tiền xe thì anh yêu cầu anh H phải thanh toán cho anh đã giới thiệu bán 50 xe máy x 500.000đồng/01 xe máy = 25 triệu đồng và tiền chênh lệch giới thiệu bán xe 50 chiếc xe máy x 02 triệu đồng/01 xe máy = 100 triệu đồng, tổng cộng là 125 triệu đồng. Anh H không thừa nhận có việc thỏa thuận trên và anh S không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc anh S mua xe của Cửa hàng xe máy Vân H do anh H làm chủ 01 chiếc xe tay ga, nhãn hiệu Honda, số loại 125, màu đỏ trắng với giá 45 triệu đồng là có thật, việc anh S chưa trả tiền là đúng nên cần buộc anh S có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 45 triệu đồng là phù hợp với các Điều 430, 431, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu anh H phải trả số tiền tiền đã giới thiệu bán 50 xe máy x 500.000đồng/01 xe máy = 25 triệu đồng và tiền chênh lệch giới thiệu bán xe 50 chiếc xe máy x 02 triệu đồng/01 xe máy = 100 triệu đồng, tổng cộng là 125 triệu đồng. Tuy nhiên, Anh S không cung cấp được tài liệu chứng cứ

gì để chứng minh cho yêu cầu và anh H cũng không thừa nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466, 469 và các Điều 430, 431, 433, 434, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lò Xuân H.

[1]. Buộc anh Lò Văn S phải có trách nhiệm trả cho anh Lò Xuân H tổng số tiền 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*).

[2]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Lò Xuân H về việc anh Lò Văn S phải trả số tiền 129.500.000 đồng (*Một trăm hai chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lò Văn S buộc anh Lò Xuân H phải trả số tiền 125.000.000 đồng (*Một trăm hai lăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.*

[4]. Về án phí: Trả lại cho anh Lò Xuân H số tiền tạm ứng án phí 6.087.500 đồng (*Sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2010/0002612 ngày 16/3/2019 tại Chi cục Thi



hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Lò Văn S.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Tuyết Thanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Trương Văn Cần**

**Nguyễn Văn Hiến**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Tuyết Thanh**

